

Số: **43** /2020/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày **31** tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Lào Cai đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ Hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 220/TTr-SNN ngày 11 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mật độ chăn nuôi ở các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Lào Cai đến năm 2030.

2. Đối tượng áp dụng

a) Quyết định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện quản lý quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Mật độ chăn nuôi của tỉnh Lào Cai đến năm 2030 tối đa không quá 1,0

đơn vị vật nuôi (ĐVN)/01 ha đất nông nghiệp, trong đó mật độ chăn nuôi tối đa của từng huyện, thị xã, thành phố được quy định như sau:

1. Thị xã Sa Pa: Không quá 0,6 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp.
2. Các huyện Bắc Hà, Văn Bàn và thành phố Lào Cai: Không quá 0,8 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp.
3. Các huyện Bát Xát, Bảo Yên, Mường Khương, Si Ma Cai: Không quá 1,0 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp.
4. Huyện Bảo Thắng: Không quá 1,5 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của các sở, ngành:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện quy định này ở các địa phương; trong trường hợp cần thiết chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung quy định mật độ chăn nuôi cho phù hợp.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xác định diện tích đất nông nghiệp làm căn cứ cho các huyện, thị xã, thành phố tính toán, xác định điều chỉnh kế hoạch phát triển chăn nuôi cho phù hợp.

c) Các sở, ngành liên quan căn cứ Quyết định này triển khai các nội dung thuộc thẩm quyền.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố:

a) Tổ chức tuyên truyền quy định này cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi tại địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

b) Căn cứ quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về mật độ chăn nuôi để định hướng, xây dựng kế hoạch chăn nuôi của địa phương.

c) Định kỳ tổ chức, triển khai thực hiện thống kê, kê khai hoạt động chăn nuôi trên địa bàn để làm căn cứ xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện phát triển chăn nuôi đảm bảo yêu cầu về mật độ chăn nuôi theo quy định.

d) Kiểm tra, quản lý mật độ chăn nuôi tại địa phương đảm bảo phù hợp với mật độ chăn nuôi theo quy định tại Điều 2 của Quyết định này.

đ) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiến nghị, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung quy định về mật độ chăn nuôi trong trường hợp cần thiết.

e) Định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về hoạt động chăn nuôi trên địa bàn về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh:

a) Căn cứ vào định hướng, kế hoạch phát triển chăn nuôi của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố để tổ chức sản xuất chăn nuôi đảm bảo đúng quy định của Quyết định này.

b) Chấp hành nghiêm việc kê khai với Ủy ban nhân dân cấp xã về loại vật nuôi và số lượng vật nuôi theo quy định Luật Chăn nuôi.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2021.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam và Đoàn thể tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Như Điều 4 QĐ;
- Các sở, ban ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Lào Cai, Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, NC1, TH3, NLN1,2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Quốc Khánh